

# Xây dựng phương pháp học tập tích cực ở trên lớp cho sinh viên đại học

Lê Khánh Tuấn

Trường Đại học Sài Gòn  
273 An Dương Vương, quận 5,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Email: ktuan88@gmail.com

**TÓM TẮT:** Trong xu thế đổi mới dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh, hoạt động dạy học ở trường đại học không thể đứng ngoài cuộc. Hơn nữa, dạy học ở đại học là sự tương tác giữa hai chủ thể (giảng viên và sinh viên) có tính đặc thù riêng, yêu cầu phát huy tính tự chủ, vai trò chủ động của người học được đặt ra rất cao. Khác các cấp học khác, sinh viên phải đóng vai là "người học - nghiên cứu". Trên cơ sở điểm lại những vấn đề lí luận và thực tiễn, bài viết gợi mở cách xây dựng phương pháp học tích cực trên lớp cho sinh viên ở trường đại học.

**TỪ KHÓA:** Học tập tích cực; phương pháp học tập tích cực; sinh viên; trường đại học.

⇒ Nhận bài 21/9/2019 ⇒ Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 05/10/2019 ⇒ Duyệt đăng 25/11/2019.

## 1. Đặt vấn đề

Hoạt động (HD) dạy và giảng viên và HD học của sinh viên (SV) là hai mặt của cùng một HD sư phạm (A.Mentriskaia) [1]. Trong đó, giảng viên được xem là chủ thể của HD dạy, SV là chủ thể của HD học. Ở trường đại học, HD dạy học có thành công hay không phụ thuộc rất lớn vào sự tương tác giữa giảng viên và SV. Đây là một sự tương tác đặc thù, trong đó SV đóng vai trò rất quan trọng và có sự khác biệt so với các cấp học khác. Bài viết đề xuất biện pháp tạo dựng phương pháp học tích cực cho SV ở trường đại học.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Hoạt động học tích cực trên lớp của sinh viên đại học

#### 2.1.1. Mục tiêu học tập tích cực

Học tập tích cực (HTTC) là cách học mà SV là chủ thể chủ động, tích cực trong quan hệ tương tác thầy - trò. Mục tiêu học tập của SV là hướng tới tạo ra sự lựa chọn nghề nghiệp, để có thu nhập cao, để nâng cao sự hiểu biết và rèn luyện kĩ năng sống hoặc để học lên cao... Mục tiêu của HTTC hướng đến năng lực chiếm lĩnh tri thức, cách tìm ra tri thức và vận dụng tri thức học được vào cuộc sống.

Tiếp cận theo bốn trụ cột của việc học (UNESCO), mục tiêu HTTC thể hiện: 1/ Học để biết (learning to know) là để nắm tri thức, nhưng tri thức rộng lớn nên phải chuyển sang học phương pháp tự duy để tự chiếm lĩnh tri thức; 2/ Học để làm (learning to do) là học kĩ năng, học cách hành động, không chỉ dừng lại ở các kiến thức hàn lâm; 3/ Học để tự khẳng định mình (learning to be) là phát huy hết khả năng tự thân để khẳng định mình, không lẫn vào người khác; 4/ Học để chung sống (learning to live together) là để tạo ra năng lực hoà nhập trong ý thức vì mục đích chung [2].

#### 2.1.2. Các yếu tố tác động đến hoạt động học tập trên lớp của sinh viên

Cũng như các HD sư phạm khác, HD học tập trên lớp (HTTL) của SV bị tác động bởi ba yếu tố là nhận thức, thái độ và hành vi. Ba yếu tố này có mối quan hệ biện chứng

chặt chẽ, sự tương thích trong kết hợp giữa chúng sẽ tạo nên chất lượng của học tập. Vì vậy, muốn đạt được hiệu quả dạy học, giảng viên cần chú ý đề cao ba yếu tố đó phát triển một cách gắn kết, hợp lí [3].

- *Nhận thức* là yếu tố không nhìn thấy được và rất khó đánh giá, nhưng lại là yếu tố quan trọng nhất trong HD học tập của SV. Khi có nhận thức đúng, họ sẽ xác định chính xác mục tiêu, động cơ học tập, chuẩn bị tâm thế sẵn sàng cho việc học và nỗ lực cố gắng để học tập, rèn luyện.

Ngoài ra, nhận thức cũng sẽ tác động đến khả năng tự quản lí việc học của SV - là yếu tố nội lực, rất quan trọng. Quan lí việc học sẽ phát huy được vai trò tự thân, vị trí trung tâm của người học, mỗi khi giảng viên muốn tạo lập cho họ.

- *Thái độ* là cách SV nhìn nhận, thể hiện trách nhiệm của mình trong các HD HTTL hoặc trong sự hợp tác, phối hợp với bạn học và với giảng viên. Điều đó thể hiện qua tình thần ham học hỏi, chịu trách nhiệm với việc học, có khả năng lắng nghe, chịu đương đầu với các khó khăn trong học tập; tạo lập tinh thần dũng cảm, trách nhiệm với bạn bè và tự chịu trách nhiệm về những sai lầm mà cá nhân gặp phải. Thái độ có tác động lan toả, rất quan trọng trong xây dựng môi trường học tập đoàn kết, sáng tạo.

- *Hành vi* HTTL thường được biểu hiện thông qua sự buồn chán trong lớp của SV (sự chuyên cần, tính tập trung, nghiêm túc), sự lảng nhể lúc giảng viên thuyết trình hoặc bạn bè thảo luận, ghi chép bài học, làm bài tập, tham gia thảo luận, trình bày trước nhóm, lớp, tham gia các HD được giảng viên tổ chức trên lớp. Hành vi là yếu tố dễ quan sát, dễ đánh giá hơn nhận thức. Qua hành vi, giảng viên có thể có những điều chỉnh cần thiết về giáo dục nhận thức và thái độ cho SV. Hành vi là mặt nổi/mặt nhìn thấy của văn hoá SV, góp phần quan trọng tạo dựng môi trường HTTC.

#### 2.1.3. Kĩ năng học tập trên lớp của sinh viên

Để xây dựng phương pháp HTTC cho SV ở trên lớp, việc lưu ý đến các kĩ năng học tập và hiệu quả của từng kĩ năng đối với sự ghi nhớ kiến thức, cũng như rèn luyện phương pháp nghiên cứu cho SV là rất quan trọng. Việc rèn luyện

kĩ năng học tập cho SV không thể tách rời với phương pháp dạy của giảng viên và phương pháp học của SV.

Kĩ năng học tập của SV được rèn luyện tốt hay không, thành thực hay không phụ thuộc vào vai trò của giảng viên trong định hướng, thiết kế, tạo lập các HĐ trên lớp và tạo lập phương pháp học cho SV. Phương pháp học tích cực sẽ hướng đến việc sử dụng các kĩ năng học trong những tình huống HĐ có hiệu quả nhất. Dưới đây là một số kĩ năng học trên lớp của SV [4]:

- **Kĩ năng đọc:** Là một kĩ năng quan trọng không thể thiếu trong quá trình học tập của SV. Để chuẩn bị cho buổi học, SV cần đọc các nội dung có liên quan đến bài giảng sắp tới. Để đọc có hiệu quả, SV cần phải xác định mục đích đọc rõ ràng, tích cực tư duy khi đọc và tập trung chú ý khi đọc.

Để đạt được việc rèn luyện kĩ năng đọc cho SV, giảng viên cần có sự định hướng về nội dung bài học sắp đến. Việc này có thể thực hiện thông qua giao chuần bị bài ở nhà, thiết kế và trình bày nội dung trước lớp.

- **Kĩ năng nghe giảng:** Để có một giờ học chất lượng thì SV phải đồng cảm với những thông tin của giảng viên, phản xạ kịp thời với những thông tin nghe được, "nghe" thực sự. Để làm được điều này, SV cần thể hiện thái độ và trách nhiệm tập trung với bài học; Kiểm soát cảm xúc bản thân, không để bị bên ngoài chi phối làm mất tập trung; Nhìn vào người nói để nắm bắt được những diễn biến tâm lí, tình cảm của giảng viên; Chất lọc thông tin để ghi nhớ và ghi chép; Tư duy khi nghe thông qua liên hệ, so sánh kiến thức đã có, đồng thời phải biết hoài nghi và hỏi để hiểu rõ vấn đề. Để rèn luyện kĩ năng này, giảng viên phải có sự tương tác thường xuyên với người học, chú ý đến tất cả SV trong lớp để duy trì sự tập trung. Ngoài những HĐ khác, ngay trong lúc thuyết trình, giảng viên cũng phải thường xuyên đặt câu hỏi, làm cho SV trở thành đối tác cùng tư duy, cùng thảo luận bài học.

- **Kĩ năng nói:** Nói thông qua phát biểu, tranh luận, trao đổi... sẽ giúp SV củng cố thông tin thu nhận và giúp giảng viên biết được SV đã tiếp nhận được thông tin ở mức nào, từ đó có những điều chỉnh cần thiết. Nói chi có thể diễn ra trong những ngữ cảnh cụ thể do giảng viên tạo ra và việc phát huy hiệu quả của kĩ năng nói phụ thuộc rất nhiều vào các tình huống đó.

- **Kĩ năng nhìn và ghi chép:** Thông qua nhìn, tri thức sẽ được phản ánh vào người học dưới dạng thông tin kết hợp/gắn liền với những hành vi và sự biểu cảm của người dạy, nhờ vậy sự tác động lên bộ nhớ rất hiệu quả. Nếu biết kết hợp tốt với ghi chép, SV vừa ghi nhận tốt kiến thức do giảng viên cung cấp, vừa giúp cho kiến thức ấy "đi thẳng vào đầu" một cách nhanh chóng, hiệu quả hơn.

## 2.1.4. Phương pháp học tích cực trên lớp

### a. Học tích cực là gì?

Có thể tiếp cận học tích cực từ nhiều khía cạnh. Nhìn từ phía dạy học theo định hướng tiếp cận năng lực người học, có thể coi học tích cực là tập trung để người học trả lời bốn câu hỏi: 1/ Học cái gì (What)?; 2/ Tại sao mình cần học cái đó (Why)?; 3/ Làm sao để chiếm lĩnh được cái đó (How to do)?; 4/ Làm sao để áp dụng được cái đó (How to)?

### b. Làm gì để tạo dựng phương pháp học tích cực?

Theo Edgar Dale (Ohio State University, 1969) thì mối liên hệ giữa các HĐ học và khả năng ghi nhớ của người học thể hiện như Hình 1 [5].



Hình 1: Hình nón của học tập (Edgar Dale, 1969)

Như vậy, phương pháp HTTC là cách mà người thầy đạo diễn, chỉ đạo, hướng dẫn SV thực hiện các kĩ năng học (đọc, nghe, nói, nhìn và ghi chép) để sau quá trình đó họ nắm chắc được mình học cái gì, tại sao phải học, làm sao để chiếm lĩnh được tri thức và biết cách vận dụng những điều đã học vào cuộc sống.

Để đạt được các mục tiêu trên, trong quá trình học trên lớp giảng viên cần phải tạo ra nhiều tình huống để SV tham gia thiết kế bài học, chuẩn bị và trình bày bài học, chứng minh, mô hình hoá, rút ra kinh nghiệm/bài học cho bản thân mình. Mục tiêu học là để SV phát triển năng lực tư duy, rèn luyện kĩ năng thực hành và ghi nhớ tốt nhất những điều phải học.

Những HĐ, thao tác mô tả ở 6 tầng đáy của hình nón Edgar Dale (Hình 1) là gợi ý quan trọng để giảng viên xây dựng phương pháp tích cực cho SV. Thực hiện tốt phương pháp học tích cực, HĐ dạy học sẽ hướng tới đạt được các mục tiêu của UNESCO khi khởi xướng 4 trụ cột của việc học.

## 2.2. Thực trạng hoạt động học tập trên lớp của sinh viên

Để có một số nét chấm phá về thực trạng nhận thức về HTTC của SV, chúng tôi đã thực hiện một cuộc khảo sát nhỏ, với 135 khách thể. Đây là những SV su phạm chính quy năm thứ 3 các chuyên ngành Toán, Âm nhạc, Tiếng Anh, Mĩ thuật, Vật lí và Ngữ văn của Trường Đại học Sài Gòn.

Số phiếu hồi phát ra là 135, sau khi loại trừ những phiếu trả lời không hợp lệ, phiếu được đưa số liệu vào xử lí là 110. Dưới đây là một số kết quả thu nhận được.

### 2.2.1. Về mục tiêu học tập của sinh viên

Với câu hỏi "Mục tiêu học tập mà em đang theo đuổi là gì?", kết quả khảo sát cho thấy: Có đến 80% SV cho rằng

là "Đề có thu nhập tốt"; 65,5% là đề "Nâng cao hiểu biết về thế giới bên ngoài", mục tiêu "Nâng cao khả năng suy nghĩ, phân tích" và "Cải thiện kĩ năng giao tiếp, tạo sự tự tin" có số lựa chọn gần tương đương (58,2% và 56,4%), mục tiêu "Đề có nhiều cơ hội lựa chọn nghề nghiệp", 41,8%, các mục tiêu còn lại đều có sự lựa chọn thấp ("để học lên cao hơn", 32,7%, "Đề có nền giáo dục rộng rãi", 24,5%, "Để tham gia các HĐ khác, 17,3%).

Như vậy, đa số SV hướng đích việc học là để tạo ra thu nhập cao, đề nâng cao hiểu biết của mình và để đạt được điều đó thì cần phải nâng cao khả năng suy nghĩ, phân tích và cải thiện kĩ năng giao tiếp, tạo sự tự tin cho bản thân. Đó là biểu hiện tích cực cho thấy, SV coi trọng việc thay đổi phương pháp học tập của mình.

### 2.2.2. Đánh giá về học tập tích cực

Hầu hết SV thống nhất quan niệm HTTC là để giải quyết 4 vấn đề: 1/ Học cái gì; 2/ Tại sao phải học cái đó; 3/ Tìm cách để chiếm lĩnh nó; 4/ Làm sao để áp dụng nó vào thực tiễn. Khi được hỏi trong 4 nội dung đó thì nội dung nào quan trọng nhất, 63,4% chọn nội dung 4; 20,9% chọn nội dung 2; 15,4% chọn nội dung 3 và học cái gì chỉ có 0,3% số SV lựa chọn. Như vậy, SV quan tâm nhất là việc áp dụng kiến thức học được vào thực tiễn, vẫn là quan tâm về phương pháp.

### 2.2.3. Đánh giá về các yếu tố tác động đến hoạt động học

Rèn luyện năng lực HTTC có hiệu quả hay không phụ thuộc vào 3 yếu tố nhận thức, thái độ và hành vi của người học và cả 3 yếu tố đó có vai trò quan trọng như nhau - đó là nhận định được 63,4% SV thừa nhận. Tuy nhiên, có 14,5% SV cho rằng điều đó phụ thuộc vào thái độ, 5,4% cho là phụ thuộc vào hành vi và 12,7% chọn phụ thuộc vào nhận thức. Chúng ta có thể lạc quan với kết quả này. Đề nâng cao hiệu quả HĐ HTTC của SV, giảng viên cần coi trọng giáo dục cả về nhận thức, thái độ và rèn luyện hành vi. Đa số SV sẽ đồng cảm và hỗ trợ, phối hợp.

### 2.2.4. Mục tiêu cho những nỗ lực học tập trên lớp

Khi được hỏi việc nỗ lực HTTC của em hướng tới những

mục tiêu nào, trong 5 lựa chọn, chúng tôi gợi ý, kết quả: 44,5% để có sự trải nghiệm xã hội, 42,7% tập trung cho việc đạt điểm số, 36,4% để rèn luyện tính độc lập trong học tập, 32,7% để rèn luyện ngoại ngữ và 14,5% cho rằng học cho qua vì em không đam mê ngành mình chọn. Tuy vẫn còn 14,5% đi học sai nguyện vọng, 42,7% học chỉ vì lấy điểm (xu hướng không cần kiến thức, kĩ năng, chỉ cần bằng cấp - rất đáng phê phán), số SV cho rằng mục tiêu học là để rèn luyện phương pháp và kĩ năng vẫn còn nhiều.

### 2.2.5. Nhận nhận của sinh viên về các yếu tố hỗ trợ học tập trên lớp

Dựa vào phương pháp học trên lớp POWER (phương pháp power) của tác giả Robert Feldman [3],[6], chúng tôi khảo sát ý kiến SV về mức độ ảnh hưởng của 5 hoạt động: P (prepare) là SV chuẩn bị bài học ở nhà; O (Organize), SV tổ chức việc học trên lớp thông qua lập kế hoạch, tìm tài liệu, tổ chức việc học; W (Work), SV làm việc trên lớp; E (Evaluate) là SV đánh giá việc học; và R (Rethink) là SV suy nghĩ lại cách học, lật ngược các vấn đề học tập để đào sâu suy nghĩ. Kết quả đánh giá của 110 SV trả lời như trong Bảng 1.

Nhìn vào kết quả thu thập được ở Bảng 1, ta thấy cả 5 yếu tố của phương pháp power đều được SV nhìn nhận là ảnh hưởng mạnh. Trong đó, yếu tố tổ chức làm việc và thực hành trên lớp được đánh giá cao nhất (ĐTB lần lượt 3,1 và 3,21), cho thấy SV rất coi trọng sự tham gia thực sự vào các HĐ trên lớp. Cụ thể, sự đánh giá của SV về các yếu tố như sau:

- Chuẩn bị bài học (P): 71% đánh giá ảnh hưởng mạnh và rất mạnh, chỉ có 4,5% đánh giá không ảnh hưởng và ĐTB là 2,75 (ảnh hưởng mạnh).
- Tổ chức việc học (O): 81,8% đánh giá ảnh hưởng mạnh và rất mạnh, chỉ có 2,7% đánh giá không ảnh hưởng và ĐTB là 3,1 (ảnh hưởng mạnh).
- Làm việc trên lớp (W): 86,4% đánh giá ảnh hưởng mạnh và rất mạnh, không có đánh giá không ảnh hưởng và ĐTB là 3,21 (ảnh hưởng mạnh).
- Tự đánh giá việc học (E): 50,8% đánh giá ảnh hưởng mạnh và rất mạnh, 44,7% đánh giá ít ảnh hưởng và 4,5%

Bảng 1: Đánh giá của SV về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố trong phương pháp học tập trên lớp (phương pháp POWER)

| TT | Yếu tố   | Rất mạnh (4 điểm) |      | Mạnh (3 điểm) |      | Ít ảnh hưởng (2đ) |      | Không ảnh hưởng (1đ) |     | ĐTB  |
|----|--|-------------------|------|---------------|------|-------------------|------|----------------------|-----|------|
|    |  | SL                | %    | SL            | %    | SL                | %    | SL                   | %   |      |
| 1  | (P): SV được giảng viên giao chuẩn bị bài học trước ở nhà  | 10                | 9    | 68            | 62   | 27                | 24,5 | 5                    | 4,5 | 2,75 |
| 2  | (O): SV tổ chức học trên lớp của bản thân (lập kế hoạch học tập, tìm tài liệu, tổ chức việc học) | 34                | 30,9 | 56            | 50,9 | 17                | 15,5 | 3                    | 2,7 | 3,10 |
| 3  | (W): Làm việc trên lớp (ghi chép, tập trung chú ý, tham gia thảo luận...)                        | 39                | 35,5 | 56            | 50,9 | 15                | 13,6 | 0                    | 0,0 | 3,21 |
| 4  | (E): Tự đánh giá việc học của mình ở trên lớp hàng ngày  | 10                | 9,0  | 46            | 41,8 | 49                | 44,7 | 5                    | 4,5 | 2,60 |
| 5  | (R): Suy nghĩ lại quá trình học trên lớp của mình  | 20                | 18,2 | 44            | 40,1 | 37                | 33,6 | 9                    | 8,1 | 2,68 |

(Ghi chú: SL - số lượng SV trả lời, ĐTB - Điểm trung bình, điểm theo mức độ 4,3,2,1)

đánh giá không ảnh hưởng và ĐTB là 2,6 (ảnh hưởng mạnh).

- Suy nghĩ lại, rút kinh nghiệm (R): 58,3% đánh giá ảnh hưởng mạnh và rất mạnh, 33,6% đánh giá ít ảnh hưởng; ĐTB 2,68 (ảnh hưởng mạnh).

### 2.2.6. Nhìn nhận của sinh viên về thực trạng kết quả học trên lớp

Khi được đề nghị đánh giá về thực trạng nhận thức, thái độ và hành vi của SV Trường Đại học Sài Gòn đối với việc học trên lớp, chúng tôi nhận được kết quả trả lời của 110 SV như trong Bảng 2.

Nhìn vào Bảng 2, ta thấy SV coi trọng cả nhận thức, hành vi và thái độ HTTL, sự xê dịch là không đáng kể:

- Thái độ học tập được cao nhất (ĐTB 2,8 - đạt mức khá), trong đó tỉ lệ tốt, khá được đánh giá đạt 70,0%; chỉ có 3,6% cho là còn yếu.

- Các việc làm trên lớp có ĐTB 2,71, ở mức khá; trong đó tốt, khá chiếm 64,6% và có 2,7% đánh giá là còn yếu.

- Nhận thức có ĐTB 2,67, cũng ở mức khá; trong đó ở mức khá, tốt là 65,5% và còn 3,6% SV được cho là chưa có nhận thức đúng về HTTL.

### 2.2.7. Nhận định về thực trạng và bài học rút ra

Qua kết quả khảo sát được phân tích trên đây, chúng ta có thể nhận định như sau:

- Hầu hết SV nhìn nhận đúng đắn về tầm quan trọng của HD HTTL. Theo họ, đó là một quá trình bao gồm các chuỗi công việc có quan hệ mật thiết từ khâu chuẩn bị ở nhà đến xây dựng kế hoạch học tập, thực thi việc học trên lớp, đến đánh giá, rút kinh nghiệm học tập. Để thực hiện tốt các khâu nhận thức, thái độ và hành vi học tập đều quan trọng, không nên xem thường yếu tố nào.

- HD HTTL quan trọng nhất là được rèn luyện phương pháp tư duy và kỹ năng thực hành. Để làm được điều đó, sự tham gia trực tiếp của SV trong chuẩn bị, thuyết trình, trình bày, nói, tranh luận... là quyết định.

- Bài học rút ra là: Giảng viên cần phải xây dựng kịch bản, tạo tình huống để SV có thể tham gia được nhiều nhất khi học trên lớp. Một số SV nhận thức chưa đầy đủ, thiếu say mê học tập, cần được chú ý để truyền cảm hứng và thu phục họ.

## 2.3. Biện pháp xây dựng phương pháp học tập tích cực cho sinh viên

### 2.3.1. Tổ chức phối hợp các phương pháp để dạy học tích cực khi dạy thuyết trình

Ở trường đại học, dù lựa chọn theo cách dạy nào, vẫn có những khoảng thời gian giảng viên phải sử dụng pháp thuyết trình. Ở đây, không ngụ ý nói về sự tất yếu có thuyết trình, mà muốn nói đến một sự kết hợp ngay cả khi thuyết trình là chủ lực. Dù chủ lực là thuyết trình, giảng viên cũng phải tạo tình huống buộc SV phải tập trung chú ý và được rèn luyện các kĩ năng đọc, nghe, nhìn của họ.

*Thứ nhất*, luôn yêu cầu SV suy nghĩ trước vấn đề ở nhà. SV thường bị áp lực về thời gian, quá tải về việc học, không nên đòi hỏi họ quá nhiều. Trước khi kết thúc phần học trước, nên gợi mở cho SV về bài học sắp tới. Khuyến khích, tạo ra sự tò mò tìm hiểu vấn đề, nhờ đó mà bằng cách này hay cách khác, họ sẽ đọc.

*Thứ hai*, trên lớp, giảng viên luôn đặt SV vào tình trạng báo động, kiểu như "tôi sẽ hỏi nhiều và khi tôi chỉ định thì ai cũng phải phát biểu chính kiến của mình". Giảng viên phải thường trực duy trì tình trạng đó trong suốt quá trình giảng dạy. Bên cạnh đó, cần đánh giá, tôn vinh những SV có tinh thần xung phong phát biểu. Làm như vậy, bắt buộc SV phải tập trung, phải nói và nói hứng thú. Giảng viên dẫn dắt họ tham gia ý kiến và khám phá ra kiến thức, phương pháp tiếp cận.

*Thứ ba*, xen kẽ lời nói là những ví dụ bằng hình ảnh, những tình huống thực tế liên quan nội dung bài học hoặc gợi ý về những khía cạnh khác của bài học (thông qua các tệp tin liên kết với bài giảng) để vừa tạo ra sự thay đổi sinh động, vừa bắt SV phải nhìn và phân tích vấn đề. Đây cũng là thủ thuật thay đổi không khí học, tạo ra sự thoải mái, chống mệt mỏi và rèn luyện trí nhớ cho SV.

### 2.3.2. Tích cực hoá học tập của sinh viên dựa vào phương pháp POWER

Áp dụng phương pháp POWER của Robert Feldman [6], cần phải tính toán kĩ lưỡng cho các bước của một quá trình thông nhất. Mục đích là để lôi kéo SV hợp tác với GV tham gia thiết kế, hình thành con đường nhận thức, trải nghiệm để có kĩ năng cần thiết, qua đó tăng tỉ lệ nhớ kiến thức lên đến 90%. Nội dung các bước như sau:

- *Chuẩn bị (P - prepare)*: Từ khi nhập môn, giảng viên cần làm cho SV hình dung được những kiến thức, kĩ năng phải đạt được sau môn học. Từ đó giúp họ chuẩn bị tìm hiểu và đọc những tài liệu cần đọc, những website cần tham khảo, những HD cần phải tiến hành... trong quá trình học.

Bảng 2: Đánh giá về nhận thức, thái độ, hành vi học trên lớp của SV

| TT | Nội dung                                    | Tốt (4 điểm) |      | Khá (3 điểm) |      | TB (2 điểm) |      | Yếu (1 điểm) |     | ĐTB  |
|----|---|--------------|------|--------------|------|-------------|------|--------------|-----|------|
|    |   | SL           | %    | SL           | %    | SL          | %    | SL           | %   |      |
| 1  | Nhận thức (nhìn nhận đúng đắn việc học)     | 6            | 5,4  | 66           | 60,1 | 34          | 30,9 | 4            | 3,6 | 2,67 |
| 2  | Thái độ (ý thức, tình cảm đối với việc học) | 15           | 13,6 | 62           | 56,4 | 29          | 26,4 | 4            | 3,6 | 2,80 |
| 3  | Hành vi (kĩ năng tiếp cận, thảo luận...)    | 10           | 9,0  | 61           | 55,6 | 36          | 32,7 | 3            | 2,7 | 2,71 |

(Ghi chú: SL - số lượng SV trả lời; ĐTB - Điểm trung bình, điểm theo mức độ 4,3,2,1)

Với sự chuẩn bị tâm thế này, SV có thể chủ động tự đặt câu hỏi, xây dựng “khung kiến thức, kĩ năng” cần đạt tới. Nhờ vậy, SV sẽ có sự hợp tác tốt với giảng viên trong các giờ học trên lớp.

- **Tổ chức việc học (O - Organize):** Đây là bước rèn luyện cho SV biết tự tổ chức, sắp xếp quá trình học của mình một cách có hệ thống. Kế thừa kết quả chuẩn bị ở bước trên, SV sẽ lập kế hoạch cho việc học tập nói chung và HTTL nói riêng của mình. Các nội dung về học nhóm, chuẩn bị ý kiến/vấn đề/đề tài tham gia trên lớp, kế hoạch đọc tài liệu, thời gian biểu chi tiết được xây dựng. SV đã sẵn sàng tham gia học, tình huống tham gia như thế nào, giảng viên sẽ tạo ra cho họ.

- **Làm việc trên lớp (W - Work):** Nguyên tắc ngắn gọn là khi SV đã sẵn sàng, giảng viên tạo ra tình huống để SV phải “làm việc”. Giảng viên sử dụng nhiều phương pháp dạy để tạo ra tình huống bắt buộc SV phải ứng dụng các kĩ năng của bản thân vào thực hiện các HĐ nghe, nói, nhìn, xem trên lớp; Thực hiện cam kết trong học tập khi đóng vai hoặc nhận lãnh trách nhiệm trước lớp; Tham gia các nhóm học tập và phát triển kĩ năng làm việc theo nhóm (team work).

- **Đánh giá (E - Evaluate):** Cuối mỗi lần thảo luận, giảng viên yêu cầu SV tự đánh giá, tổng kết cuộc thảo luận (có thể đánh giá chéo giữa các cá nhân, các nhóm hoặc đánh giá tổng thể), rút ra bài học kinh nghiệm, các kiến thức và kĩ năng cốt lõi. Đây là phương thức rất tốt, vừa bảo đảm sự tham gia thực sự của SV, vừa tạo lập con đường tự duy và ghi nhớ kiến thức cho họ, không nên bỏ qua.

- **Lật ngược lại vấn đề, nghĩ lại quá trình (R - Rethink):** Trong quá trình thảo luận, trao đổi về nội dung bài học, giảng viên cần yêu cầu SV lật lại vấn đề đã học bằng các câu hỏi như “Đó thực chất là cái gì?”, “Tại sao lại phải thảo luận nó?”, “Tại sao lại xảy ra điều đó?”, “Có cách nào khác để ta chiếm lĩnh nó nhanh hơn không?”, “Liệu có thể áp dụng vào cuộc sống được không?”...

Sau khi trả lời những câu hỏi trên, giảng viên yêu cầu SV suy nghĩ, tự đánh giá lại quá trình mình đã thực hiện, đã tự duy (thinking about the thinking process - tự duy về quá trình đã tự duy - theo như cách nói của Edward de Bono) [7], rút ra bài học cho việc chiếm lĩnh những nội dung tiếp theo.

### 2.3.3. Tổ chức có hiệu quả phương pháp học tập theo nhóm

#### a. Tổ chức nhóm

Từ buổi học đầu tiên của môn học, giảng viên thông báo cho SV biết cách tổ chức nhóm và nội dung HĐ học tập nhóm. Số lượng thành viên trong nhóm nên khoảng từ 6 đến 8 SV. Nên đề cho SV tự hình thành nhóm để có sự hiểu biết, làm việc ăn ý với nhau và bầu nhóm trưởng, nhóm phó. Nhóm phải bảo đảm nguyên tắc là tất cả các thành viên đều phải tham gia HĐ

#### b. Xác định nguyên tắc hoạt động của nhóm

- Trưởng nhóm: Do nhóm bầu ra, phải có năng lực, nhiệt tình và có uy tín. Trưởng nhóm là người chịu trách nhiệm trước giảng viên và các thành viên của nhóm về HĐ của nhóm; là người điều hành, phân công chuẩn bị và tổ chức công việc của nhóm, đảm bảo cho nhóm đi đúng hướng; đồng viên, thúc đẩy các thành viên thực hiện công việc được phân công. Trưởng nhóm thường xuyên thông tin,

báo cáo tình hình HĐ của nhóm với giảng viên để có những điều chỉnh khi cần.

- Nhóm phó thay mặt trưởng nhóm điều hành công việc khi trưởng nhóm vắng mặt hoặc theo sự phân công của trưởng nhóm. Nhóm phó và các thành viên có trách nhiệm chấp hành sự phân công của trưởng nhóm, xem đây là một sự uỷ quyền của giảng viên, không được từ chối hay trốn tránh nhiệm vụ.

- Tất cả thành viên của nhóm đều phải tham gia ý kiến vào các bài thảo luận của nhóm. Việc chủ trì chuẩn bị nội dung thảo luận của nhóm theo từng chuyên đề phải được thay phiên. Người trình bày/thuyết trình kết quả thảo luận của nhóm trước lớp cũng phải được thay phiên. Nguyên tắc này là để bảo đảm sự tham gia của tất cả thành viên, từ đó nâng cao khả năng điều hành nhóm, khả năng thuyết trình trước đông người, rèn luyện kĩ năng sự phạm của SV. Điều đó góp phần vừa rèn luyện phương pháp tự duy, vừa rèn luyện phương pháp giảng dạy mà mỗi SV sự phạm cần phải có.

- Việc tham gia HĐ của nhóm của từng thành viên được tính vào điểm thảo luận trên lớp (thường chiếm 0,2 điểm của học phần) Giảng viên theo dõi, có nhận xét, rút kinh nghiệm về mức độ tham gia của các thành viên sau mỗi lần thảo luận.

#### c. Giao đề tài cho học nhóm và thảo luận nhóm

- Tuỳ từng nội dung bài học, có thể giao cùng một nội dung công việc hoặc đề tài chung cho các nhóm hoặc mỗi nhóm một đề tài riêng, với mức độ khó tương đương nhau.

- Đề tài thảo luận phải thuộc nội dung môn học, với nhiều hướng khai thác khác nhau, câu hỏi thảo luận phải cụ thể, rõ ràng. Giảng viên hướng dẫn, định hướng cách thức khai thác, giải quyết vấn đề. Vấn đề thảo luận phải hấp dẫn, có tính chất kích thích tinh tích cực, chủ động làm việc của SV. Chủ đề thảo luận nên gắn liền với thực tế để SV tìm hiểu và tìm cách giải quyết vấn đề.

#### d. Nhóm thảo luận và thuyết trình

- Phần chuẩn bị nội dung thảo luận của nhóm chủ yếu thực hiện ở nhà, do các thành viên thực hiện theo sự phân công của lãnh đạo nhóm. Giảng viên cần bố trí một khoảng thời gian phù hợp ở trên lớp để các nhóm thảo luận nội bộ, thống nhất các vấn đề của nhóm mình trước khi thuyết trình ở phiên toàn lớp.

- Thuyết trình trước lớp nên dùng trình diễn qua phần mềm power point. Khuyến khích minh họa nội dung bài học bằng các video, hình ảnh, tư liệu điện tử và gắn với các phân tích, bình luận theo hướng ứng dụng hoặc liên hệ thực tiễn.

- Người thuyết trình là các SV được trưởng nhóm phân công chuẩn bị chuyên đề/đề tài thảo luận. Mỗi lần thuyết trình một phần), nhưng phải được luân phiên để tất cả thành viên đều được tham gia. Đối với SV sự phạm, phần thuyết trình cần được được đánh giá, cho điểm.

- Trong thời gian một nhóm thuyết trình, giảng viên yêu cầu cả lớp tập trung theo dõi để đưa ra ý kiến phản biện ở phần sau, đồng thời khuyến khích nhóm thuyết trình có sự tham gia với SV cả lớp để đào sâu nội dung thuyết trình.

#### e. Phản biện, tranh luận giữa các nhóm

Kết thúc phiên thuyết trình của một nhóm, giảng viên hướng dẫn cho cả lớp tham gia ý kiến phản biện, đánh giá, tranh luận về các nội dung vừa được nghe thuyết trình. Cụ thể, các thực hiện các nội dung sau:

- Cho phép các thành viên của nhóm thuyết trình bổ sung, hoàn thiện bài thuyết trình (nếu có) và chuẩn bị tinh thần để thảo luận.

- Các nhóm cử đại diện nêu ý kiến đánh giá về nội dung thuyết trình của nhóm bạn, đưa ra các ý kiến phản biện, câu hỏi tranh luận. Sau khi hết đại diện nhóm, yêu cầu SV đưa ra phát biểu, tranh luận cá nhân.

- Nhóm thuyết trình trả lời, tranh luận lại với các ý kiến đưa ra của lớp. Nhóm này có thể hội ý để cử đại diện hoặc các thành viên trả lời tự do.

- Cuối cùng, giảng viên chốt lại các vấn đề cần thiết, như: Thống nhất lại cách hiểu đúng về những vấn đề đang tranh luận, rành hướng lại những sai lệch nếu có hoặc gợi mở để SV được thêm, đọc rộng hơn để nắm bắt bài học.

#### *g. Đánh giá hoạt động của các nhóm*

Đánh giá là khâu cuối cùng, nhưng rất quan trọng, không nên bỏ qua. Việc đánh giá phải đạt được các mục tiêu: Giúp SV rút ra kinh nghiệm về học tập, từ đó rèn luyện tư duy và khắc sâu việc ghi nhớ kiến thức, truyền cảm hứng học tập cho SV và góp phần nâng cao điểm số của học phần cho SV. Để việc đánh giá kết quả HĐ của nhóm được chính xác, công bằng và minh bạch, cần thực hiện như sau:

- Các nhóm đánh giá kết quả làm việc của nhau: Sau phần thuyết trình của các nhóm, giảng viên yêu cầu các nhóm đánh giá tổng hợp lẫn nhau (đưa ra những ưu, nhược điểm

về chuẩn bị nội dung, phương pháp thuyết trình...) và bình chọn chung.

- Giảng viên nhận xét, phân tích kết quả thực hiện của từng nhóm trên cơ sở điểm lại đánh giá của các nhóm, bổ sung những điểm thiếu, định hướng điều chỉnh những đánh giá chưa sát, chưa đúng, từ đó chỉ ra ưu, nhược điểm, các bài học kinh nghiệm cần ghi nhớ để SV hiểu đúng vấn đề và một lần nữa khắc sâu những gì đã thu hoạch được.

- Giảng viên chấm điểm cho các nhóm: Điểm nên bao gồm phần đánh giá về nội dung thuyết trình, tinh thần thảo luận, phản biện lẫn nhau và kỹ năng thuyết trình. Điểm cho từng nhóm được công bố cho cả lớp

- SV đánh giá, cho điểm từng cá nhân trong nhóm: Điểm giảng viên đánh giá cho cả nhóm được xem là điểm trần (Max) để các nhóm cho điểm từng thành viên. Điểm của từng thành viên tùy thuộc vào sự tham gia của cá nhân đó vào HĐ của nhóm, do nhóm thảo luận và quyết định tập thể, với giá trị cao nhất bằng điểm Max.

### **3. Kết luận**

Việc đổi mới phương pháp HTTL của SV phụ thuộc rất lớn vào vai trò của giảng viên. Những biện pháp trên đây của giảng viên sẽ góp phần tạo ra cách học tích cực cho SV. Với phương pháp học tích cực, giảng viên đóng vai trò thiết kế, đạo diễn, hướng dẫn thực hiện; SV là những người làm chủ giờ học, kết hợp với sự chuẩn bị ở nhà, họ chủ động tìm kiếm tri thức, tạo lập cách tiếp cận tri thức và rèn luyện được những kỹ năng cần thiết cho cuộc sống và nghề nghiệp tương lai của họ.

#### **Tài liệu tham khảo**

- [1] Hoàng Anh - Vũ Kim Thanh, (1966), *Giao tiếp sư phạm*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Lê Khánh Tuấn, (2019), *Phát triển đời sống giáo viên trước yêu cầu đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông*, NXB Đại học Huế.
- [3] Nguyễn Đông Triều (biên soạn), (2017), *Kỹ năng học tập bậc Đại học*, Trường Đại học Văn Hiến, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [4] Nguyễn Hoàng Đoàn Huy, (2015), *Hoạt động học tập của sinh viên dưới góc độ tiếp cận sự gắn kết của sinh viên vào giờ học trên lớp*, Viện Nghiên cứu Sư phạm, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [5] Wikipedia, (2019), [https://en.wikipedia.org/wiki/Edgar\\_Dale](https://en.wikipedia.org/wiki/Edgar_Dale).
- [6] <https://www.umass.edu/pbs/people/robert-feldman> (2019), University of Massachusetts Amherst.
- [7] Edward de Bono, (1984), *Tư duy song song*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
- [8] Nguyễn Thành Hải, (2010), *Phương pháp học tập chủ động ở bậc Đại học*, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Thành phố Hồ Chí Minh

## **DEVELOPING AN ACTIVE LEARNING METHOD IN CLASS FOR UNIVERSITY STUDENTS**

**Le Khanh Tuan**

Saigon University  
273 An Duong Vuong, district 5,  
Ho Chi Minh City, Vietnam  
Email: lktuan88@gmail.com

**ABSTRACT:** *In the trend of teaching innovation towards developing students' capacity, teaching activities in university should not be left out. Moreover, teaching at university is the interaction between two subjects those are lecturers and students with specific characteristics, requiring the development of autonomous and active participation of learners. Unlike other educational levels, students need to play the role of "learner - researcher". Based on a review of theoretical and practical issues, this article introduces a solution to develop an active learning method in class for university students.*

**KEYWORDS:** Active learning; active learning method; students; university.